

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-11-2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Dung.
2. Bà Trương Thị Lệ Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/11/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hồ Văn H - sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp Phú Quý 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp Phú Quý 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Lê Thành T1 - sinh năm 1965.

Địa chỉ: 85/1, ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2/ Chị Hồ Hoàng T2 - sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 46, ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Anh H, chị T, ông T1, chị T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2019; biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06/5/2020, biên bản làm việc ngày 02/7/2020 nguyên đơn là anh Hồ Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đắc Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Đắc Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 14/5/2014. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T ghen tuông vô cớ, từ đó mà tính tình chị T trở nên hung dữ. Vì những điều này mà vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chị T còn đánh và đuổi anh ra khỏi nhà. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan T1, chăm sóc cho nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên can nhưng chị T vẫn không thay đổi tính tình. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với chị T nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trước đây anh có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất có diện tích 300m² thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp Phú Quý 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng chiều ngang 5m, chiều dài 18m. Giá trị nhà và đất hiện tại tạm tính là 800.000.000đ. Khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị T phải thanh toán phần sở hữu của anh. Vào ngày 02/7/2020 anh đã xin rút lại yêu cầu về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trước đây, anh có khai trong thời gian chung sống thì vợ chồng anh có nợ ông Lê Thành T1 số tiền 50.000.000đ và chị Hồ Hoàng T2 số tiền 10.000.000đ và anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T phải có trách nhiệm trả cho chị T2 và ông T1 số tiền 30.000.000đ còn anh sẽ có trách nhiệm trả số còn lại cho chị T2 và ông T1. Hiện nay, anh và chị T đã trả xong số tiền 10.000.000đ cho chị Hồ Hoàng T2 và số tiền 50.000.000đ cho ông Lê Thành T1 nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 27/7/2020 bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh H về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng của chị và anh H phát sinh mâu thuẫn vào năm 2018, nguyên nhân là do anh H không chung thủy, thường xuyên đánh đập, chửi bới chị và đập phá đồ đạc trong nhà. Hiện nay, anh H đã bỏ nhà ra đi và sống ly thân với chị cho đến nay. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị thì chị không đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh H không có con chung và hiện tại chị không có mang thai với anh H nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/9/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hồ Hoàng T2 trình bày: Vào giữa năm 2019 chị có cho anh Hồ Văn H mượn số tiền 10.000.000đ để đóng hụi và đến đầu năm 2020 thì anh H đã trả đủ cho chị số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Vì vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền nợ giữa chị và anh Hồ Văn H trong vụ án này.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/9/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành T1 trình bày: Vào ngày 17/9/2019, anh có cho anh Hồ Văn H và vợ là chị Nguyễn Thị T ngụ tại xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai số tiền 50.000.000 đồng. Đến tháng 6/2020 thì anh Hồ Văn H đã trả đủ cho ông số tiền nợ 50.000.000 đồng nên ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền nợ giữa ông và vợ chồng anh H, chị T trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân giữa anh H chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Hồ Văn H chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn chị Nguyễn Thị T hiện cư trú tại ấp Phú Quý 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh H yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị T, nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Anh Hồ Văn H là nguyên đơn; chị Nguyễn Thị T là bị đơn; ông Lê Thành T1, chị Hồ Hoàng T2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ 02 lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh H và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đắc Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh H: Anh H xin ly hôn với lý do chị T ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng anh H chị T thật sự có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2019, không còn chăm lo cho nhau.

Qua xem xét lời trình bày của anh H, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng anh H chị T thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan T1 chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, chị T đã thừa nhận cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh H đã xảy ra mâu thuẫn vào năm 2018 và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh H; chị T không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện chị T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng anh H và chị T đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, giải quyết cho anh H được ly hôn với chị T theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Anh H và chị T không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Anh Hồ Văn H chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 19, 51, 56, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hồ Văn H. Anh Hồ Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2) Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn H về việc “Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” do anh H rút một phần yêu cầu khởi kiện.

5) Về án phí: Anh Hồ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai số 0003000 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh H đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho anh Hồ Văn H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số 0005008 ngày 23/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

6) Về quyền kháng cáo: Anh Hồ Văn H, chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Canh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viễn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vương Thị Dung

Trương Thị Lệ Thanh

Trần Thị Viễn

